

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2026/HS-ST
Ngày 14-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lành Văn Huê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Tuấn

2. Bà Hoàng Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Chu Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2026/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2026/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Triệu Văn M, sinh ngày 03 tháng 8 năm 1964. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N (thôn T cũ), xã T, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 0200xxxxxxx, cấp ngày 06/9/2025, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; văn hoá: 0/10; con ông Triệu Phúc T (đã chết), con bà Chu Thị C (đã chết); anh, chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là thứ 05; vợ: Bà Triệu Thị P, sinh năm 1963; con: Có 04 người con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Phân trại tạm giam Bình Gia, Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 23/5/2026 đến ngày 25/6/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 25/6/2026 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vũ Văn Đáo – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị hại: Bà Trương Thị B, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn N (thôn T cũ), xã T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn N (thôn T cũ), xã T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn N (thôn T cũ), xã T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Văn C1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn N (thôn T cũ), xã T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Bà Bé Thị L, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn N (thôn T cũ), xã T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2023, giữa gia đình bà Trương Thị B và gia đình Triệu Văn M phát sinh tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất tại khu vực rừng K, thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Do các bên không tự thỏa thuận được, gia đình bà Trương Thị B gửi đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã T, huyện V (cũ) giải quyết. Ủy ban nhân dân xã T đã tổ chức hòa giải nhưng không thành. Ngày 21/02/2026, bà Trương Thị B trồng 1.550 cây keo con trên diện tích đất đang quản lý, sử dụng tại khu vực rừng Khun Ma; khi đó, Triệu Văn M có mặt nhưng không ngăn cản. Đến khoảng 08 giờ ngày 08/4/2026, Triệu Văn M đi chăn trâu tại khu vực trên, sau đó đến khu vực đất bà Trương Thị B trồng keo, hô: “B ơi, C ơi, hôm nay tao nhổ cây keo con của mày này”, rồi dùng tay nhổ 502 cây keo con và để ngay tại các hố trồng. Số cây bị nhổ có chiều cao khoảng từ 20cm đến 30cm, đường kính khoảng từ 0,2cm đến 0,3cm, do bà Trương Thị B mua và trồng.

Theo kết quả xác định hiện trường, nơi xảy ra vụ việc thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 01, diện tích 35.425 m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 442650, mang tên ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất có vị trí tiếp giáp: phía Bắc giáp đồi của gia đình ông Triệu Văn M; phía Nam giáp đất đồi của gia đình ông Hoàng Văn T; phía Tây giáp đường mòn đất liên thôn, tiếp đến là đồi của gia đình ông Hoàng Văn C2; phía Đông giáp đồi của gia đình ông Hoàng Văn T1. Khu vực xảy ra vụ việc nằm ở phía Đông Nam của thửa đất, có địa hình dốc từ đỉnh đồi phía Đông xuống phía Tây; trên đất có trồng nhiều cây keo xen lẫn cây cỏ dại. Phần diện tích có liên quan đến vụ việc được xác định là 1.572,5 m², trên đó có các hố trồng cây, kích thước trung bình 0,4 m × 0,3 m, sâu khoảng 0,2 m. Một số hố có trồng cây keo, mỗi hố một cây, chiều cao trung bình từ 20 cm đến 30 cm, đường kính dưới 0,2 cm, trong đó một số cây đã chết, héo.

Căn cứ các tài liệu xác định thửa đất số 120, tờ bản đồ số 01, thuộc lô 26aa, khoảnh 11, tiểu khu 273A, diện tích 35.425 m², mang tên người sử dụng đất là ông Hoàng Văn Đ. Thửa đất không phải rừng phòng hộ, không phải rừng tự nhiên, có mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất, ký hiệu RSN. Bà Trương Thị B cung

cấp một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 442650, mang tên ông Hoàng Văn Đ, thể hiện diện tích đất bà đang quản lý, sử dụng thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 01, diện tích 35.425 m². Ông Hoàng Văn Đ là em ruột của ông Hoàng Văn C, chồng bà Trương Thị B. Ông Đạo không trực tiếp sử dụng mà giao cho bà Trương Thị B quản lý, sử dụng để trồng cây.

Ông Triệu Văn M được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 442563 ngày 29/3/2012 đối với thửa đất số 872, tờ bản đồ số 01, diện tích 15.604 m², mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất, ký hiệu RSN. Vị trí thửa đất này giáp ranh với thửa đất đứng tên ông Hoàng Văn Đ nhưng qua xác minh không liên quan đến vị trí bà Trương Thị B trồng số cây keo bị Triệu Văn M nhổ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2026, Hội đồng định giá kết luận: 502 cây keo của bà Trương Thị B bị Triệu Văn M nhổ, có chiều cao khoảng 25cm, đường kính trung bình khoảng 0,2cm, trị giá 7.530.000đ.

Vật chứng vụ án: 502 cây keo, có chiều cao trung bình từ 20cm đến 30cm, đường kính trung bình 0,2cm đến 0,3cm. Toàn bộ cây khô, lá ngả màu nâu, một số cây có bầu đất, một số cây bị gãy.

Về bồi thường dân sự: Bị cáo Triệu Văn M đã tác động vợ, con thỏa thuận bồi thường cho người bị hại là bà Trương Thị B đủ số tiền 5.000.000 đồng theo giấy thỏa thuận ngày 21/6/2026.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSKV3 ngày 16/7/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Triệu Văn M về tội Hủy hoại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và các Điều 50, 65 của Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn M phạm tội Hủy hoại tài sản.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Văn M từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương theo dõi, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 502 cây keo, có chiều cao trung bình từ 20cm đến 30cm, đường kính trung bình 0,2cm đến 0,3cm. Toàn bộ cây khô, lá ngả màu nâu, một số cây có bầu đất, một số cây bị gãy.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại bà Trương Thị B đủ số tiền là 5.000.000đ theo biên bản thỏa thuận ngày 21/6/2026.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án. Miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn M trình bày lời bào chữa: Nhất trí về hành vi và tội danh như bị cáo đã thừa nhận; nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt và các nội dung khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt cho bị cáo Triệu Văn M được hưởng án treo với mức thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị là 09 tháng để bị cáo được cải tạo tại địa phương, sửa chữa lỗi lầm.

Bị cáo Triệu Văn M không có ý kiến tranh luận bổ sung; bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng án treo là do bị cáo tuổi đã cao, sức khỏe yếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ người làm chứng ông Hoàng Văn C1 và bà Bé Thị L, tuy nhiên tại phiên tòa ông Hoàng Văn C1, bà Bé Thị L có đơn xin xét xử vắng. Xét thấy, tại phiên tòa không có ai đề nghị hoãn phiên tòa tại phiên tòa và trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản xác định hiện trường, lời khai người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 08/4/2026, tại khu vực rừng Khun Ma, thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn, do mâu thuẫn tranh chấp ranh giới đất, Triệu Văn M đã có hành vi dùng tay phải nhổ lên khỏi mặt đất làm chết 502 cây keo của bà Trương Thị B. Theo kết luận định giá tài sản 502 cây keo, trị giá 7.530.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ căn cứ để xác định bị cáo Triệu Văn M phạm vào tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo gây ra là bột phát, không có đồng phạm. Tuy nhiên

hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, không những gây thiệt hại về vật chất cho bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, tạo tâm lý hoang mang bất bình trong nhân dân và xã hội.

[5] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả đủ số tiền theo thỏa thuận cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, về trình độ văn hóa không học lớp nào. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét ấn định mức hình phạt cho bị cáo thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo không biết chữ, không hiểu biết về pháp luật; quá trình điều tra và tại Tòa án chấp hành tốt với tư cách là bị can, bị cáo khi tham gia tố tụng, không gây khó khăn cho công tác điều tra và có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương theo dõi, giám sát và giáo dục cũng không gây nguy hại cho xã hội, vẫn đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời thể hiện được sự khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với những người biết ăn năn hối cải, sửa chữa sai lầm. Do vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Triệu Văn M không có nghề nghiệp, đã hết tuổi lao động, theo kết quả xác minh và làm rõ tại phiên tòa bị cáo sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng gì có giá trị. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về vật chứng vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy 502 cây keo, có chiều cao trung bình từ 20cm đến 30cm, đường kính trung bình 0,2cm đến 0,3cm không còn giá trị sử dụng.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả đủ số tiền cho bị hại bà Trương Thị B là 5.000.000đ theo biên bản thỏa thuận ngày 21/6/2026. Tại phiên tòa bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về án phí: Bị cáo Triệu Văn M bị kết án phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000đ để sung ngân sách Nhà nước theo quy định. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo có ý kiến đề nghị xin được miễn án phí nên bị cáo được

miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề khác phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 178; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 293; các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn M phạm tội Hủy hoại tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Văn M 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 66 và khoản 3 Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại bà Trương Thị B đủ số tiền là 5.000.000đ theo biên bản thỏa thuận ngày 21/6/2026.

4. Vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 502 cây keo, có chiều cao trung bình từ 20cm đến 30cm, đường kính trung bình 0,2cm đến 0,3cm.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật thuộc Phân trại tạm giam Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao ngày 19 tháng 6 năm 2026).

5. Án phí: Miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Văn M.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND KV3-Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn;
- CQ THAHS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THADS KV3 - Lạng Sơn;
- UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lành Văn Huế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vy Thiện Hào

Lành Văn Huế

Hoàng Thị Tuyết

